

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 154/2018/DS-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v tranh chấp “Đòi lại tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và ông **Châu Vũ Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị R**, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện CT, tỉnh TG.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1965; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện CG, tỉnh TG

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1957; (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp N, xã T, huyện CG, tỉnh TG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1983; (có đơn xin vắng mặt)

Lê Trọng H, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp N, xã T, huyện CG, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị R trình bày: Khoảng tháng 12-2012 bà có bán vật liệu xây dựng cho ông Lê Văn P, Phạm Thị H nhiều lần, đến ngày 04-12-2013 cộng sổ lại ông P, bà H còn thiếu 11.210.000 đồng, ngày 16-11-2014 bà H trả được 1.000.000 đồng, ngày 16-02-2015 bà H trả 1.000.000 đồng. Đến nay bà H, ông P còn thiếu lại 9.210.000 đồng.

Nay bà R yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn P, bà Phạm Thị H phải trả 9.210.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại văn bản tường trình ngày 06-4-2018 chị Trần Thị Ngọc Y trình bày: Chị là con dâu của bà Phạm Thị H và ông Lê Văn P, trước đây chị có mua vật liệu xây dựng của bà Bùi Thị R (bà Trần H) để xây dựng nhà, khi thanh toán tiền xong còn thiếu 9.000.000 đồng vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được, dự định đến cuối năm sẽ trả cho bà R. Chị Y xác định số nợ tiền vật liệu xây dựng trên là của vợ chồng chị, không phải bà H, ông P thiếu.

Nay chị hoàn toàn chịu trách nhiệm với số tiền trên và chấp nhận còn nợ theo yêu cầu của bà R.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý cho chị Trần Thị Ngọc Y trả số tiền 9.210.000 đồng, không yêu cầu ông Lê Văn P, bà Phạm Thị H phải trả số nợ trên. Yêu cầu chị Y phải trả 9.210.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Ông Lê Văn P, bà Phạm Thị H, anh Lê Trọng H vắng mặt tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc Y có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Bùi Thị R khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn P, bà Phạm Thị H trả số tiền 9.210.000 đồng nợ mua vật liệu xây dựng từ năm 2012 đến nay. Tuy nhiên bà H, ông P xác định không có nợ tiền mua vật liệu xây dựng theo yêu cầu khởi kiện của bà R, nhưng số nợ trên

chị Trần Thị Ngọc Y (là con dâu của ông P, bà H) thừa nhận vào năm 2012 có mua vật liệu xây dựng của bà R để cất nhà, số nợ trên là do vợ chồng chị Y nợ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T đồng ý cho chị Y trả số nợ trên cho nguyên đơn, chị Y cũng đồng ý trả số nợ 9.210.000 đồng cho bà R, việc thống nhất, đồng ý giữa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và chị Trần Thị Ngọc Y là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức, xã hội.

Ông Trần Văn T yêu cầu chị Trần Thị Ngọc Y phải trả số tiền 9.210.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tại bản khai ngày 14-5-2018 chị Y đồng ý trả số nợ 9.210.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Xét ý kiến trình bày của chị Y không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ phân tích, nhận định trên xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị R là có căn cứ, do đó cần buộc chị Trần Thị Ngọc Y phải trả cho nguyên đơn 9.210.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị R.

Buộc chị Trần Thị Ngọc Y phải trả cho bà Bùi Thị R số tiền 9.210.000 (chín triệu hai trăm mười ngàn) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Ngọc Y chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu 460.500 (bốn trăm sáu mươi ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 36101 ngày 11-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Nguyên đơn, bà H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông P, chị Y, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Phương